ĐÔ THỊ HÓA Ở XÃ NGHĨA ĐÔ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

*Trương Văn Cường**

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Nghĩa Đô nằm ở phía Đông Bắc huyện Bảo Yên, cách trung tâm huyện Bảo Yên 32km theo trục đường Quốc lộ 279 đi Hà Giang. Phía Đông giáp xã Yên Thành (huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang), phía Tây giáp xã Bản Cái (huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai), phía Nam giáp xã Vĩnh Yên (huyện Bảo Yên), phía Bắc giáp xã Tân Tiến (huyện Bảo Yên).

Bản đồ xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Nguồn: Lịch sử Đảng bộ xã Nghĩa Đô.

* ThS. Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.

Dân số xã Nghĩa Đô năm 2011 là 4950 nhân khẩu với 897 hộ, trong đó người Tày 4852 khẩu, chiếm 98% dân số toàn xã. Còn lại là người Dao 65 khẩu, người Kinh 26 khẩu, H'mông 4 khẩu, Nùng 3 khẩu. Như vậy, trong khi được coi là dân tộc thiểu số ở Việt Nam, thì ở xã Nghĩa Đô, người Tày lại là dân tộc đa số, là nhóm cư dân tạo nên những các hoạt động kinh tế và bản sắc văn hóa của xã Nghĩa Đô.

2. Xu hướng và chính sách phát triển đô thị

Ở Việt Nam, sự đa dạng, khác biệt giữa các vùng miền đã tạo nên quá trình đô thị hóa không đồng nhất. Tuy nhiên hiện nay nếu nhìn tổng thể, quá trình đô thị hóa diễn ra theo các hướng sau: thứ nhất, đô thị hóa theo các tuyến thương mại, dịch vụ, tuyến giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không; thứ hai, là đô thị hóa theo các vòng tròn (hay vành đai) bao quanh các thành phố lớn; thứ ba, là khuynh hướng đô thị hóa theo hướng hình thành các đô thị nhỏ ở dưới hình thức các thị tứ hay các trung tâm buôn bán, công nghiệp và dịch vụ các vùng nông thôn cách xa thành phố lớn dưới tác động của các chính sách của Nhà nước hay trên cơ sở các nhu cầu nội tại của các cộng đồng địa phương; thứ tư, là đô thị hóa ngay trong các thành phố lớn, dân cư tập trung đông nhưng không mở rộng không gian, mà được phát triển lên cao, là sự hình thành những tòa nhà cao tầng (khu đô thị, khu chung cư cao tầng...).

- Chính sách phát triển đô thị ở Lào Cai

Trong chiến lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai[1], chính quyền tỉnh rất quan tâm đến việc xây dựng các đô thị loại nhỏ tại các xã trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế vùng. Trong đó có hai địa điểm đã được quy hoạch là thị tứ Bảo Hà và thị tứ Nghĩa Đô.

Trong tổng số 17 xã và một thị trấn của huyện, từ năm 1998 Ủy ban Nhân dân huyện đã xây dựng một dự án quy hoạch và phát triển kinh tế xã của 'cụm ba xã' Tân Tiến, Nghĩa Đô và Vĩnh Yên trong giai đoạn 1998-2010. Cụm 3 xã này nằm ở phía Bắc huyện, dọc theo tuyến đường giao thông 279 qua huyện Bát Xát đi Hà Giang, cách trung tâm huyện (thị trấn Phố Ràng) 32km. Nhằm thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước theo chỉ thị 393CT-TTg ngày 10/06/1996 về quy hoạch

1. Theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xã Nghĩa Đô được chọn là trung tâm của vùng đông Bắc huyện Bảo Yên. Chính vì thế Phó Chủ tịch huyện Giàng Seo Vần đã nói "sẽ xây dựng trung tâm Nghĩa Đô thành một trung tâm kinh tế- văn hoá - xã hội - giáo dục để thúc đẩy kinh tế vùng phát triển. Đồng thời xây dựng Nghĩa Đô thành thị tứ- sau là thị trấn để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực này". Trong cuộc trao đổi với TS. Trần Hữu Sơn - Giám đốc Sở Văn hoá tỉnh Lào Cai cho biết phát biểu trong cuộc họp của Chủ tịch tỉnh Lào Cai "muốn xây dựng trung tâm xã Nghĩa Đô thành thị trấn trong những năm tới. *Tháng 12/2011.*

dân cư, tăng cường cơ sở hạ tầng, sắp xếp lại sản xuất các vùng dân tộc và miền núi, v.v...[1], và trên cơ sở điều tra về tình hình kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên của ba xã và hệ thống giao thông liên lạc với khu vực xung quanh, chính quyền huyện và tỉnh chọn Nghĩa Đô để xây dựng thành một điểm trung tâm phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của cụm ba xã này.

Vì đây là đầu mối giao thông, thông tin liên lạc, dịch vụ của toàn cụm, nên theo quyết định của UBND tỉnh Lào Cai ngày 18/08/1999, tỉnh đã dầu tư tổng kinh phí 7.606 triệu đồng, trong đó nguồn vốn xây dựng trung tâm cụm xã là 4.886 triệu đồng, nguồn vốn xây dựng khác là 2.720 triệu đồng được thực hiện trong nhiều giai đoạn khác nhau. Theo thiết kế ban đầu, dự án xây dựng khu trung tâm cụm xã Nghĩa Đô được tiến hành làm 2 đợt, đợt 1 từ năm 1998 - 2000 với tổng kinh phí là 2.611,8 triệu đồng. Đợt hai được tiến hành từ năm 2000 - 2010 với tổng kinh phí 5.713,5 triệu đồng để lập quy hoạch và xây dựng các hạng mục quan trọng[2]. Nghĩa Đô là một trong 498 trung tâm cụm xã trên cả nước được hình thành.

Mục tiêu hàng đầu là xây dựng trung tâm cụm xã Nghĩa Đô làm hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cụm 3 xã phía Đông Bắc của huyện Bảo Yên. Sau đó là tạo dựng Nghĩa Đô trở thành trung tâm kinh tế văn hóa dịch vụ của khu vực, là đầu mối giao lưu, phổ biến, chỉ đạo các mặt về sản xuất, đời sống xã hội, giao thông, thương mại, trao đổi mua bán sản phẩm thông tin liên lạc, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho nhân dân.

Đồng thời đây sẽ là nơi cung ứng những nhu cầu dịch vụ y tế, nhà nghỉ, nhà hàng... cho khách du lịch trong tương lai. Bởi trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Lào Cai và huyện Bảo Yên, khu vực xã Nghĩa Đô có điểm quy hoạch du lịch cộng đồng - du lịch làng bản và du lịch sinh thái.

- Nơi kiếm tiền và tâm lý thị dân

Khi tiến hành hỏi 50 gia đình đã và đang sinh sống ở khu trung tâm, có tới 35/50 người được hỏi cho biết là họ ra đây với mục đích trước tiên là kiếm tiền và thu nhập của họ tốt hơn nhiều so với trước đây. Điển hình là trường hợp các gia đình bà Hoàng Thị Biệt, Hoàng Thị Khách và ông Cổ Bình Dượng. Những gia đình này đã thay đổi nhiều từ khi chuyển ra đây kinh doanh, buôn bán.

1. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên. *Thuyết minh Dự án quy hoạch xây dựng trung tâm cụm kinh tế - xã hội xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên giai đoạn 1998 - 2010*, Lào Cai tháng 08/1998.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai - Quyết định số 1047 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai - *Việc phê duyệt dự án quy hoạch và xây dựng trung tâm cụm xã, xã Nghĩa Đô - Huyện Bảo Yên - Tỉnh Lào Cai* / Ngày 18/08/1999, tr 3.

1. Hoàng Thị Biệt ở bản Thâm Luông, ra Nà Đình từ năm 2006: "Nhà tôi chuyển ra đây cách đây 5 năm để thuận tiện buôn bán thịt lợn, với lại ở trong bản không tiện bằng ở đây, cho nên nhà tôi mới mua đất của người quen trong họ, dựng nhà làm nhà ở, buôn bán tạp hoá, nhưng bán thịt lợn vẫn là thu nhập chính của gia đình tôi hiện nay.

2. Hoàng Thị Khách, người bản Nà Mường: "Nhà có hai vợ chồng và hai đứa con, gia đình trước đây có 5 sào ruộng, khó khăn lắm, thường thiếu ăn. Lúc đầu tôi bán nước chè từ năm 1995 ở khu vực chợ Nghĩa Đô kiếm sống, thấy nhiều nhà buôn bán thịt lợn có lãi, nên hai vợ chồng bàn chuyển nghề. Năm 2008 mượn được 10 triệu mua xe máy, chồng nhà buôn bán thịt lợn có lãi, nên hai vợ chồng bàn chuyển nghề. Năm 2008 mượn được 10 triệu đồng mua xe máy, chồng đi vào các bản mua lợn, nhiều khi đi tận Bắc Quang, Hà Giang mua lợn, mua về hai vợ chồng thịt mang bán hàng ngày tại chợ. Mỗi ngày bán như vậy cũng lãi được 2 đến 3 trăm ngàn đồng, nhiều khi bị lỗ, nhưng thường thì lãi. Khách mua thịt chủ yếu là giáo viên, cán bộ, dân thì ít, cũng có cả một số giáo viên ở Tân Tiến đi qua mua. Người mua ở đây họ thường mua chịu, đặc biệt là dân, hiện nay số nợ người mua lên đến gần 20 triệu đồng. Hiện làm ăn cũng khá hơn trước nhiều, vất vả nhưng có ít tiền, như trước kia nghèo khổ lắm.

3. Cổ Bình Dượng người bản Nậm Cằm ra Nà Đình mua đất đã được 6 năm nay. Nhà ông Dượng trước đây là một gia đình nghèo, nhưng từ khi có chính sách trồng keo, trồng quế, mỡ, gia đình ông đã trồng 5 ha (trong đó có 1 ha quế, 4 ha keo, mỡ). Kết quả thu hoạch đã làm kinh tế nhà ông giàu lên nhanh chóng từ việc bán quế, keo và mỡ. Từ việc trồng rừng có nguồn thu, gia đình ông mua đất rồi chuyển ra ngoài trung tâm xã ở, nhà ở dựng nhà gỗ hai tầng, tầng 1 dùng làm nơi buôn bán, hàng ăn sáng, tầng hai là nơi ở của gia đình. Tuy chuyển ra đây làm ăn được mấy năm, nhưng nhà ông vẫn về bản cũ làm ruộng và tiếp tục trồng quế, keo để tăng thêm thu nhập. Do thấy trung tâm xã hiện nay đã phát triển, nhiều nhà làm ăn được, lại sắp là thị tứ, nghe đồn là thị trấn, cho nên tôi đã mua đất của ông bác, dựng nhà làm cửa hàng ăn. Vì ở đây có nhiều giáo viên, cán bộ, công nhân công ty thường hay ăn quán, cho nên tôi đã mở cửa hàng ăn. Nhưng hai vợ chồng tôi vẫn làm thêm 2 sào ruộng do ông bà cho, để có gạo ăn. Với lại tôi thích ở đây, vì ở đây thường được người dân gọi là dân phố, hiện đại, đi đâu cũng oai hơn người ở trong bản.

Cùng với sức hút từ việc làm kinh tế, thì nơi đây còn là một nơi định cư lý tưởng trong tương lai. Cũng có 37/50 người cho biết họ thích/muốn được sinh sống ở đây vì nơi đây sẽ trở thành thị tứ - thị trấn trong thời gian tới, mặc dù khoảng cách nhà cũ với khu trung tâm chỉ 1 đến 2 km đường. Ví dụ như trường hợp nhà ông Hoàng văn Bi[1] và nhiều gia đình khác, đặc biệt là những cặp vợ chồng làm giáo viên, làm cán bộ - công chức ở địa phương[2].

Với những chính sách của chính quyền, trung tâm xã Nghĩa Đô đã được đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm như: trung tâm kinh tế, trung tâm văn hóa cả 3 xã, trung tâm giáo dục là hệ thống trường học từ mẫu giáo đến cấp 3; trung tâm y tế với sự xuất hiện của phòng khám đa khoa khu vực Nghĩa Đô; hệ thống đường giao thông khu vực trung tâm lan tỏa đi các bản; trạm điện; các loại hình dịch vụ, hàng hóa đa dạng.

Như vậy, một nơi có thể kiếm tiền tốt, một chỗ ở đầy hứa hẹn các dịch vụ thuận tiện (thị tứ rồi thành thị trấn) trong thời gian tới là nguyên nhân thu hút người dân từ các nơi trong bản và các thầy cô giáo lựa chọn nơi đây làm chỗ ở lý tưởng.

3. Đô thị hóa ở xã Nghĩa Đô

Từ những nhân tố phân tích trên đã hình thành một thị tứ ở Nghĩa Đô. Một khu tập trung dân cư mang nhiều yếu tố của quá trình đô thị hóa đã và đang diễn ra với tốc độ khá nhanh và mạnh. Những biểu hiện quá trình đô thị hóa ở đây được thể hiện ở những điểm sau.

- Sự tập trung dân cư

Hiện nay, khu vực nằm trong quy hoạch trung tâm cụm kinh tế - xã hội xã Nghĩa Đô với diện tích 30 ha gồm toàn bộ bản Nà Đình, một phần bản Nà Khương và bản Rịa. Trên địa bàn xã Nghĩa Đô, trong thời gian 10 năm trở lại đây, khu vực trung tâm cụm xã đã trở thành nơi thu hút người dân chuyển từ các bản trong xã ra đây sinh sống. Người dân và cán bộ địa phương quan niệm đây là một điểm đến lý tưởng cho cuộc sống tương lai của họ và con cái của họ sau này. Nếu như năm 1994 khu vực này mới chỉ có 6 hộ gia đình sinh sống, thì đến năm 2002 là 34 hộ và đến

1. Nhà ông Hoàng Văn Bin - Cán bộ Tư pháp xã, nhà chỉ cách khu thị tứ 1km, đi lại rất thuận tiện, nhưng ông vẫn mua đất, xây nhà ở khu trung tâm để sinh sống, vì đây sẽ trở thành nhà thị trấn - thị tứ trong thời gian tới. Dù gia đình ông không buôn bán.

2. Trên địa bàn trung tâm hiện nay có 41 cặp vợ chồng cùng làm công chức nhà nước trên toàn xã, trong đó những hộ này sống ở khu vực trung tâm xã thuộc bản Nà Đình, Nà Khương là 26, có 17/26 đôi vợ chồng sống ở Nà Đình, còn 9/26 sống ở Nà Khương. Bên cạnh đó, những gia đình có chồng hoặc vợ làm cán bộ địa phương, giáo viên có khoảng trên 100 hộ, kinh tế của những gia đình này có người làm cán bộ, giáo viên hầu hết đều tốt hơn so với mặt bằng chung trong xã.

đầu năm 2011 là 119 hộ với dân số 400 nhân khẩu, chưa tính các hộ gia đình giáo viên và số học sinh thuê nhà trọ học ở khu vực này[1]. Và trong 10 tháng đầu năm 2012 khu vực thị tứ có thêm 6 hộ, với 25 nhân khẩu.

Khu vực hiện nay có 70/119 hộ gia đình mở cửa hàng kinh doanh buôn bán dọc tuyến quốc lộ 279, xung quanh chợ và tuyến đi xã Tân Tiến. Các mặt hàng dịch vụ buôn bán rất đa dạng như: bán tạp hoá, quán ăn, thuốc tây, cửa hàng sửa chữa xe máy, ti vi, quán cà phê, cắt tóc gội đầu, quán internet, quán bi-a....đã tạo nên một tiểu đô thị với đầy đủ tất cả các loại hình dịch vụ của các hộ kinh doanh. Cùng với đó là khu vực tập trung một lượng lớn những cán bộ, công nhân viên chức xã và các thầy cô giáo trên toàn địa bàn xã.

- Hình thành các loại hình thương mại, dịch vụ phát triển

Trước những năm 1990 hoạt động kinh tế của các hộ gia đình trên địa bàn Nghĩa Đô chủ yếu là canh tác ruộng nương và khai thác các nguồn lâm sản từ rừng. Tuy nhiên, sau khi có quy hoạch xây dựng thị tứ, đặc biệt là sự hình thành của một chợ trung tâm cụm xã cộng với việc hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng của các cơ quan như đã nêu, biến khu trung tâm này thành một nơi diễn ra nhiều hoạt động kinh tế, thương mại và nhu cầu của người dân ngày càng nhiều. Hoạt động trao đổi ở chợ không chỉ diễn ra vào ngày phiên chợ (chủ nhật), mà chợ đã hoạt động thường xuyên, hàng ngày, với hơn 20 hộ kinh doanh chính thức ở trong chợ, gồm các mặt hàng thịt: 4 hộ; đậu phụ: 3 hộ; rau các loại: 6 hộ; cá: 3 hộ; hàng tạp hoá: 3 gian hàng, v.v...[2]

Bên cạnh những hoạt động trao đổi và kinh doanh ở trong chợ là các dãy cửa hàng của hơn 55 hộ gia đình kinh doanh hàng hóa tổng hợp, gồm nhiều mặt hàng lương thực thực phẩm, hàng gia dụng, v.v. Cụ thể là có một số cửa hàng sửa chữa xe máy của ba hộ; một quán cà phê của hộ gia đình anh Hoàng Văn Tiến; có 06 cửa hàng ăn uống; một số cửa hàng cắt tóc; 02 cửa hàng intenet; 03 cửa hàng bán thuốc Tây; 01 cửa hàng photo coppy; 01 cửa hàng may; còn lại là các cửa hàng kinh doanh hàng hóa tổng hợp, kết hợp bán đủ mọi thứ hàng hóa phục vụ cho nhu cầu cuộc sống và sản xuất hàng ngày của người dân, giáo viên, học sinh... Thống kê của chính quyền xã Nghĩa Đô cho thấy có 45/119 hộ gia đình cư trú ở khu trung tâm hoạt động kinh doanh buôn bán.

- Sự biến đổi cấu trúc nhà ở, biến đổi lối sống

Làm nhà khu vực trung tâm trên những mảnh đất nhỏ, hẹp, chạy dọc theo tuyến Quốc lộ 279 và xung quang chợ khiến người dân xây dựng nhà tại đây theo

1. Trương Văn Cường (2011), *Sđd*, tr. 90.

2. Trương Văn Cường (2011), *Sđd*, tr. 87.

hình ống hoặc vuông thay thế cho nhà sàn truyền thống. Bên cạnh yếu tố về không gian, người dân ở đây cũng khá thích thú với loại hình nhà ống (kiến trúc nhà ống ở thành phố), cho nên nhà ống được xây dựng bằng gỗ, hoặc gạch đã mọc lên tại khu trung tâm xã. Với tổng số 119 hộ trên khu vực trung tâm, kiến trúc nhà ở đây đã có sự thay đổi khá nhiều so với kiến thúc nhà ở trong các bản.

Cấu trúc nhà khu vực trung tâm biến đổi rất đa dạng, rất nhiều loại hình mới, trong đó chủ yếu là hình ống. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 75/119 hộ đã thay đổi cấu trúc nhà dài theo chiều dọc của các lô đất dọc theo tuyến quốc lộ và xung quanh chợ và dọc tuyến liên xã đi xã Tân Tiến. Do đất ở khu vực gần chợ đã được quy hoạch chia lô, diện tích các lô có chiều rộng 5m, chiều dài chạy sâu vào bên trong từ 40m đến 70m. Tại khu vực trung tâm Nghĩa Đô đã nhiều nhà được xây dựng bằng gạch, nhà hình ống, chủ yếu là nhà của các hộ gia đình giáo viên, vốn là người chuyển từ nơi khác đến, được xây dựng ngay cạnh trường cấp 3 xã Nghĩa Đô.

Cùng với sự thay đổi cấu trúc nhà, không gian bố trí, sinh hoạt trong nhà cũng có nhiều thay đổi. Do không gian nhà hẹp, nên không gian trong nhà được tận dụng triệt để. Còn rất ít gia đình giữ vị trí đặt bàn thờ tổ tiên như cũ, phần lớn các hộ đã bàn thờ đặt lên nóc tủ. Chỉ còn số ít những gia đình còn giữ được cấu trúc nhà truyền thống do chuyển ra đây sớm, đất lúc đó còn rộng. Còn những gia đình ra muộn hơn, đất hẹp đã được chia lô, không thể dựng nhà theo kiểu truyền thống. Bên cạnh bàn thờ, bếp nấu nướng cũng có thay đổi. Theo kết quả khảo sát thì hầu hết các gia đình sống ở khu trung tâm đã chuyển bếp ra khỏi nhà, tách bếp ra phía sau hoặc ở cuối nhà, bên cạnh một số nhà còn dùng củi đốt thì phần lớn các đã sử dụng ga, điện để đun nấu.

Không gian sinh hoạt cũng được sắp xếp khác, trong đó có tới 45 nhà đã kê giường ngủ trong nhà, trong khi nhà sàn truyền thống ở đây không có giường ngủ. Các sinh hoạt của gia đình được chuyển xuống tầng 1 của ngôi nhà, trong khi ở những ngôi nhà sàn truyền thống, tầng một là gầm sàn, cho nên các sinh hoạt của gia đình chủ yếu diễn ra ở tầng hai. Bên cạnh đó, trong không gian sống truyền thống của người Tày thì bên cạnh nhà sàn thường là bếp, vườn rau, ao cá, chuồng trại chăn nuôi gia súc và gia cầm. Những gia đình ở khu vực trung tâm chỉ có nhà ở và các công trình phụ, những kết cấu truyền thống đã bị mất do diện tích đất không cho phép hay vì nhiều nguyên nhân khác.

Một đặc điểm khác nữa là sự kết hợp không gian sống với các hoạt động sản xuất. Nói cách khác là sử dụng không gian sống cho các hoạt động kinh doanh. Theo thống kê của tác giả thì có khoảng 70/119 hộ sử dụng nhà để ở kết hợp với việc mở cửa hàng kinh doanh, buôn bán các mặt hàng khác nhau. Trong đó phần lớn là các cửa hàng tạp hoá và dịch vụ ăn uống.

Dù lối sống của người dân tại khu trung tâm vẫn có mối liên hệ mật thiết với lối sống truyền thống trong các bản (vì khoảng cách thời gian và không gian, mối liên hệ giữa hai khu vực này còn rất gần, cho nên lối sống truyền thống vẫn chi phối đời sống của người dân khu vực trung tâm). Nhiều hộ gia đình chuyển sang sử dụng bếp gas thay cho bếp củi, nước sinh hoạt dùng nước sạch thay cho nước giếng; rau, thịt họ chủ yếu mua thay cho việc tự trồng. Đám cưới, đám ma đối với những gia đình sinh sống ở khu trung tâm cũng được tổ chức khác. Trong đám cưới bàn ghế thì thuê - thay cho việc mượn của hàng xóm. Thời gian tổ chức đám cưới là trong 1 ngày, các hoạt động văn nghệ của thanh niên như hát không còn - trong khi ở các bản vẫn thường xuyên hát, nhảy mừng hạnh phúc lứa đôi. Còn đám ma do thực hiện nếp sống mới của khu dân cư, cho nên hầu hết các gia đình có người mất đều mang về nhà gốc trong các bản để thực hiện các nghi lễ truyền thống.

Cùng với đó, trang phục của người dân tại khu trung tâm đã thay đổi toàn bộ khi họ mặc những bộ quần áo mua từ dưới xuôi lên - trong khi ở các bản, vẫn còn rất nhiều người mặc trang phục truyền thống, đặc biệt là người cao tuổi. Người dân bắt đầu sử dụng thuốc tây thay cho thuốc chữa bệnh dân gian. Nguồn thực phẩm họ dùng hàng ngày đã có nhiều mua từ chợ - thay dần cho việc tự sản xuất. Phương tiện đi lại hầu hết các gia đình ở khu vực trung tâm là xe máy, hoặc xe đạp, trong khi ở các bản còn rất nhiều người đi bộ. Bắt đầu có một số người đi gội đầu ở quán, uống cà phê, bỏ hút điếu cày chuyển sang hút thuốc lá, uống bia thay rượu, ăn sáng tại các quán thay cho việc ăn xôi ở nhà cùng gia đình.

- Bắt đầu xuất hiện thị trường bất động sản

Sự phát triển kinh tế hàng hóa, sự gia tăng dân số là nhân tố làm tăng mọi nhu cầu của xã hội như: ăn, ở, đi lại, học hành, việc làm, giải trí. Chính sách quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của chính quyền địa phương và tâm lý thị dân...là nguyên nhân dẫn đến thị trường bất động sản bắt đầu xuất hiện ở khu vực trung tâm xã Nghĩa Đô. Trong đó, khu vực đường quốc lộ 279 ở trung tâm và xung quanh chợ là nơi đất có giá cao nhất, còn khu xa chợ, xã, trường cấp 3 và đường đi xã Tân tiến thì giá đất thấp hơn.

Đất khu vực xung quanh chợ và dọc hai bên đường 279 mua bán được tính theo mét vuông chiều rộng, thỏa thuận chỉ có giấy mua bán giữa người bán và người mua, vì đất ở đây đang nằm trong diện quy hoạch, nên chính quyền không chứng nhận, không cấp sổ đỏ. Giá cả cao hay thấp tùy thuộc vị trí từng khu vực, độ sâu bên trong. Thường đoạn đường quốc lộ 279 có giá thường từ 5 đến 7 triệu đồng một mét mặt tiền, chiều sâu thường 20m đến 30m, có nơi sâu 40m đến 50m. Khu vực xung quanh chợ thì rẻ hơn một chút khoảng 3 đến 5 triệu đồng. Càng cách xa trung tâm thì giá đất càng rẻ. Trong thực tế đã xuất hiện sự đầu cơ đất, đó

là hộ gia đình ông H.V.N đang nắm giữ 5 mảnh đất nằm trong khu vực quy hoạch thị tứ ở Nghĩa Đô.

4. Những vấn đề nẩy sinh trong quá trình đô thị

Quá trình đô thị hóa đã biến xã Nghĩa Đô thành nơi tập trung dân cư đông đúc, trung tâm kinh tế - văn hóa, giáo dục....đã làm nẩy sinh nhiều hệ lụy là vấn đề ô nhiễm môi trường, phá vỡ cấu trúc văn hóa truyền thống...đặt ra cho nhà quản lý địa phương nhiều thách thức mới.

Quá trình đô thị hóa đã hình thành một trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ... thúc đẩy kinh tế địa phương ngày càng phát triển, là nơi cung cấp các nhu cầu thiết yếu của người dân, đồng thời cũng là nơi trung chuyển hàng hóa, thúc đẩy hoạt động sản xuất địa phương phát triển, là nơi kết nối kinh tế Nghĩa Đô với các đầu mối kinh tế khác trong khu vực lân cận.

Bên cạnh những yếu tố tích cực từ từ quá trình đô thị hóa mang lại, những vấn đề tiêu cực bắt đầu nẩy sinh và phát triển như; tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường, khoảng cách giàu nghèo, phá vỡ hệ thống cấu trúc văn hóa truyền thống, mâu thuẫn thế hệ, v.v... Bên cạnh đó, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, làm biến đổi quan hệ truyền thống từ quan hệ dòng họ chuyển sang quan hệ phố phường, làm thay đổi khuôn mẫu sống, thay đổi thời gian sinh hoạt, biến đổi cấu trúc nhà, làm thay đổi cách ứng xử trong cuộc sống hàng ngày của người dân tại khu vực trung tâm xã Nghĩa Đô.

5. Kết luận

Với thực tế những gì đã và đang diễn ra ở xã Nghĩa Đô, đó là một quá trình đô thị hóa được hình thành từ các nhân tố: như vị trí địa lý thuận lợi, chính sách của trung ương (Chương trình 135 - mục xây dựng trung tâm cụm xã) và địa phương tỉnh, huyện, nhu cầu phát triển nội tại và tâm lý thị dân đã làm xuất hiện một quá trình đô thị hóa ở một xã miền núi.

Quá trình đô thị hóa đã biến Nghĩa Đô thành một trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục và thương mại cùng với việc nâng cấp, mở rộng hệ thống các tuyến đường giao thông từ các bản, các xã lân cận tới khu vực trung tâm này. Nó cũng làm chuyển đổi ở một mức độ nhất định nền kinh tế theo hướng từ sản xuất nông nghiệp nặng về tự cung tự cấp sang một nền kinh tế bước đầu sản xuất hành hóa, giảm các hoạt động canh tác nông nghiệp, đặc biệt ở khu vực trung tâm.

Quá trình đô thị hóa này cũng đã làm thay đổi về cấu trúc và không gian nhà ở từ nhà sàn truyền thống sang nhà ống, nhà hộp. Làm thay đổi lối sống từ làng bản dần chuyển dần sang lối sống thị dân ở khu trung tâm. Cùng với đó là gây xung đột

văn hóa giữa dân ở các bản và dân ở khu trung tâm. Đồng thời quá trình tập trung dân cư nhiều đã gây ô nhiễm môi trường và phá vỡ nhiều khuôn mẫu văn hóa truyền thống khác.

Thực tế, quá trình đô thị hóa này diễn ra chưa đủ mạnh đến mức biến nơi đây thành một thị trấn, hoặc một thành phố nhỏ, mà cho đến nay mới chỉ dừng lại ở chỗ hình thành một thị tứ, nơi chúng ta thấy hiện hữu tính đô thị được thể hiện ở cấu trúc không gian, hệ thống cơ sở hạ tầng, các hoạt động sinh kế, cấu trúc và quy mô dân cư, lối sống, v.v... Dù quá trình đô thị hóa ở đây mới chỉ ở giai đoạn đầu, nhưng với tình hình cụ thể, quá trình đô thị hóa ở đẫy sẽ diễn ra mạnh hơn trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nghĩa Đô (2009), *Lịch sử Đảng bộ xã Nghĩa Đô (1949 - 2005)*, Nghĩa Đô, Sở Thông tin truyền thông Lào Cai.
2. Trương Văn Cường (2011), *Các dự án phát triển và đô thị hóa ở một xã miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ lịch sử - chuyên ngành Dân tộc học, Hà Nội.
3. Trần Thùy Dương (2011), "Giao thông đường sắt với một số vấn đề về đô thị và văn hóa tộc người", Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.
4. Bế Viết Đẳng (1993), *Những biến đổi về kinh tế - văn hoá ở các tỉnh miền núi phía Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đính - Tạ Thị Tâm (2009), "Người Việt và đô thị vùng Đông Bắc", T/c *Dân tộc học*, số 5.
6. Mạc Đường (2002), *Đô thị và vấn đề đô thị hóa*, Nhà xuất bản trẻ, Hà Nội.
7. Mạc Đường (2006), "Sự hình thành không gian đô thị và phát triển xã hội ở miền núi nước ta", T/c *Dân tộc học*, số 2.
8. Trịnh Duy Luân (1996), "Tổng quan về môn xã hội học đô thị". In: Tìm hiểu môn xã hội học đô thị, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Nông, Đỗ Thị Lan, Tạ Thị Thanh Hương... Biên soạn, (2007), *Đô thị hóa, phát triển nông thôn và những tác động đến môi trường khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo/Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Pichet Saiphan (2008), *Đô thị hóa ở Điện Biên: một số ví dụ về vấn đề đô thị - nông thôn ở Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế. Bảo tàng và nhân học đô thị. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
11. Nguyễn Thị Hoài Phương (2001), *Đô thị Hải Phòng - Lịch sử hình thành và phát triển*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Hà Nội.
12. Đàm Trung Phường (2005), *Đô thị Việt Nam*, Tái bản, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

13. Quy chế đô thị Sa Pa (2004), Ban hành kèm theo Quyết định số 498/QĐ-UB ngày 8 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (Tập 1: *Quy chế chung. Quy chế riêng cho từng khu*. Tập 2: *Quy định về kiến trúc và phong cảnh*. Tập 3: *Sơ đồ bảo tồn và chỉnh trang khu trung tâm*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

14. Trần Hữu Sơn (2010), "Đường sắt với vấn đề đô thị hóa ở vùng Tây Bắc Việt Nam và Vân Nam Trung Quốc". In trong: Hội thảo quốc tế "Về nghiên cứu và đào tạo nhân học ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi và hội nhập quốc tế, Hà Nội.

15. Trần Văn Thuật (2006), "Tác động của Chương trình 135 đối với đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn". In trong: Ủy ban Dân tộc - Viện Dân tộc học, Giải pháp cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hoá Tày*, Nxb. Khoa học xã hội.

17. Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường - Đại học quốc gia Hà Nội (1997) *Những xu hướng phát triển ở vùng núi phía Bắc Việt Nam*, Tập 1, Tổng quan và phân tích, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai - Số 1047/Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai - *Việc phê duyệt dự án quy hoạch và xây dựng trung tâm cụm xã, xã Nghĩa Đô - Huyện Bảo Yên - Tỉnh Lào Cai* / Ngày 18/08/1999.

19. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, Báo cáo số 122 của UBND: *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn huyện Bảo Yên*, ngày 17/08/2005.

20. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, Số 182, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2005. Nhiệm vụ chủ yếu về phát triển kinh tế xã hội 2006.*

21. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, Số 122/QĐ - UB. *Kết quả thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn huyện Bảo Yên*, ngày 17/08/2005

22. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, Số 269 BC- UBND. *Kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II năm 2008*, ngày 28/11/2008.

23. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên. *Thuyết minh Dự án quy hoạch xây dựng trung tâm cụm kinh tế - xã hội xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên giai đoạn 1998 - 2010.* Lào Cai tháng 08/1998.